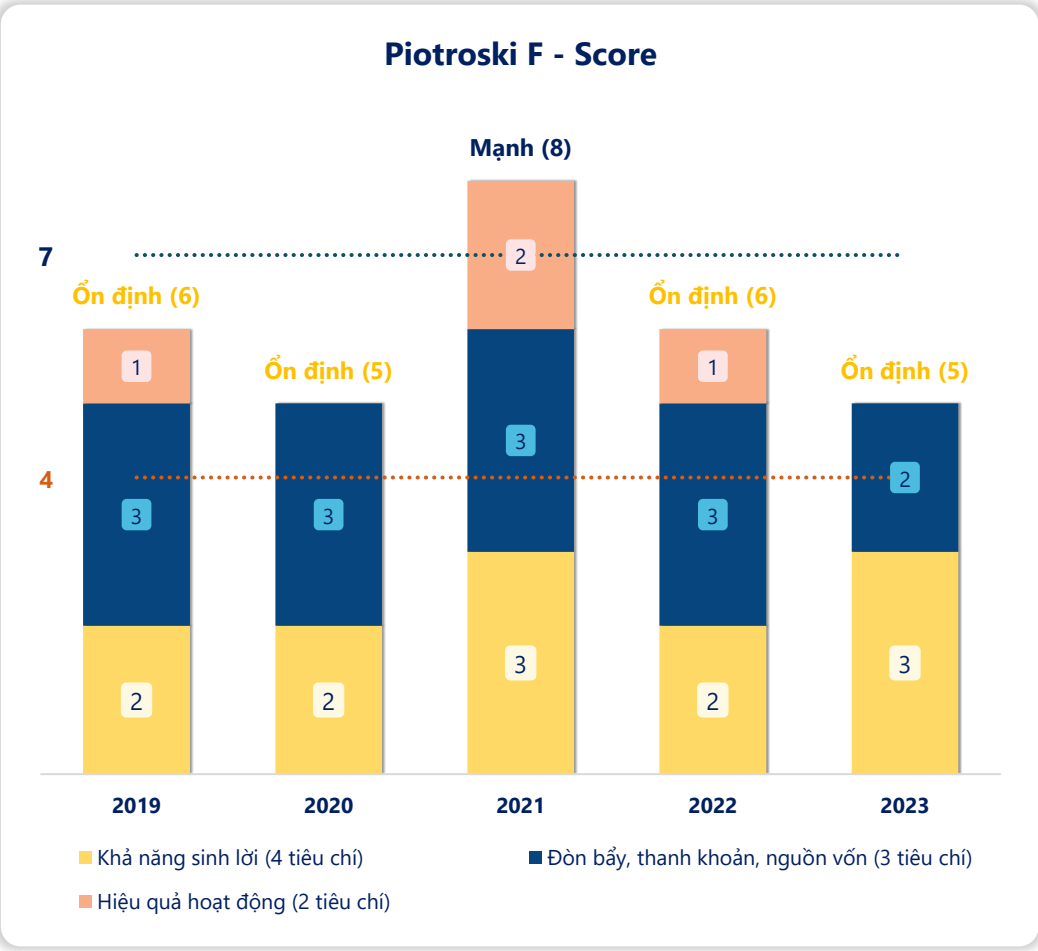
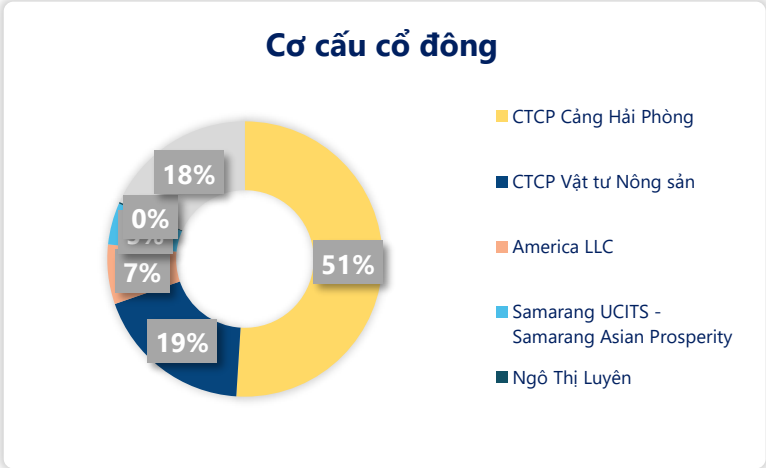
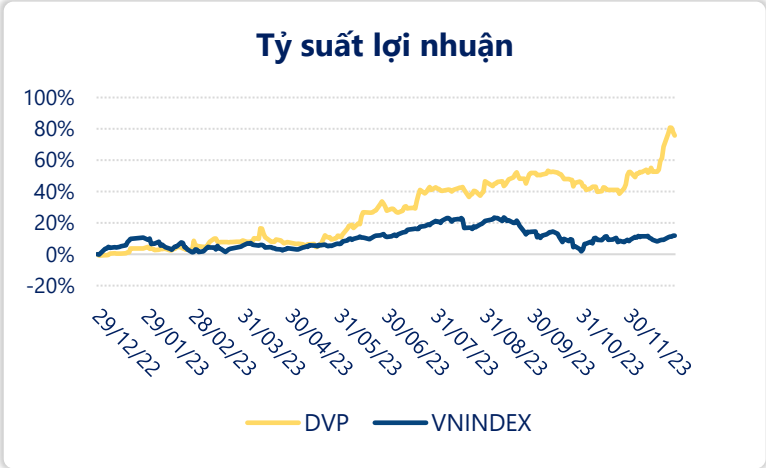


CTCP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (HSX: DVP)

Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	71,900 VNĐ			Sức mạnh tài chính	2023	DT thuần	2023	LN sau thuế	2023
29/12/2023				Piotroski F - Score	5/9		YoY		YoY
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng	2023	(Ổn định)	549	▼ 36.0	331	▲ 48.0
	17.8%	16.8%	38.5%			tỷ VNĐ	▼ 6.1%	tỷ VNĐ	▲ 16.7%

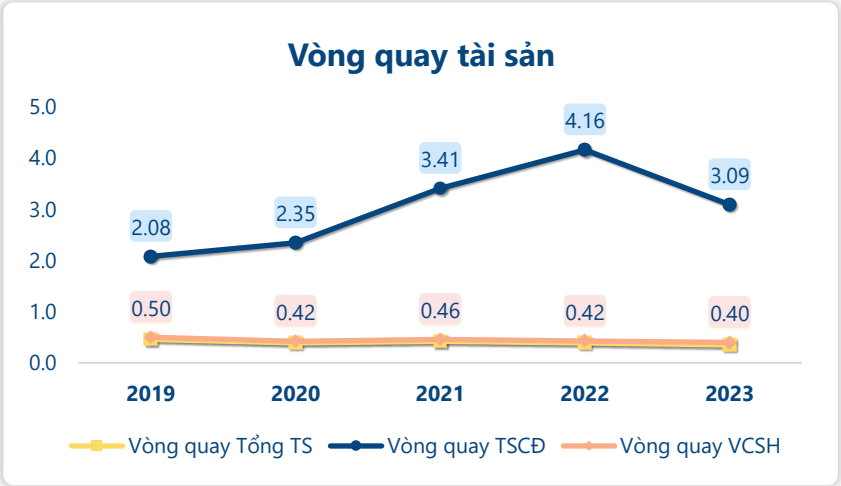
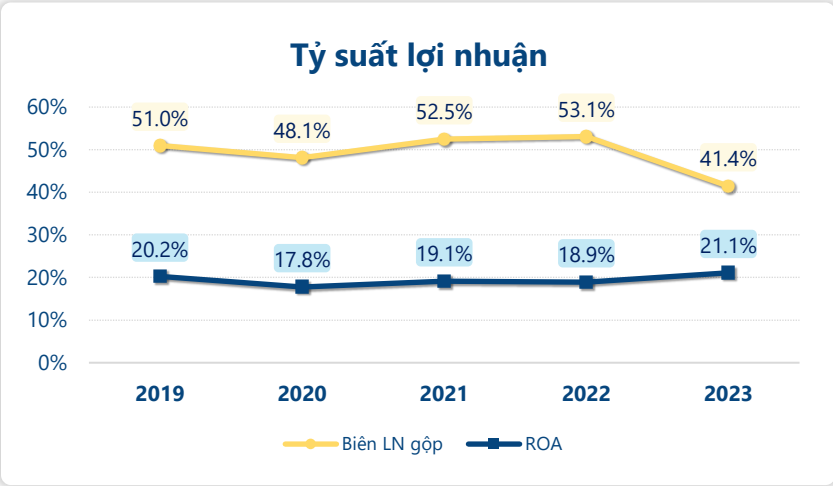
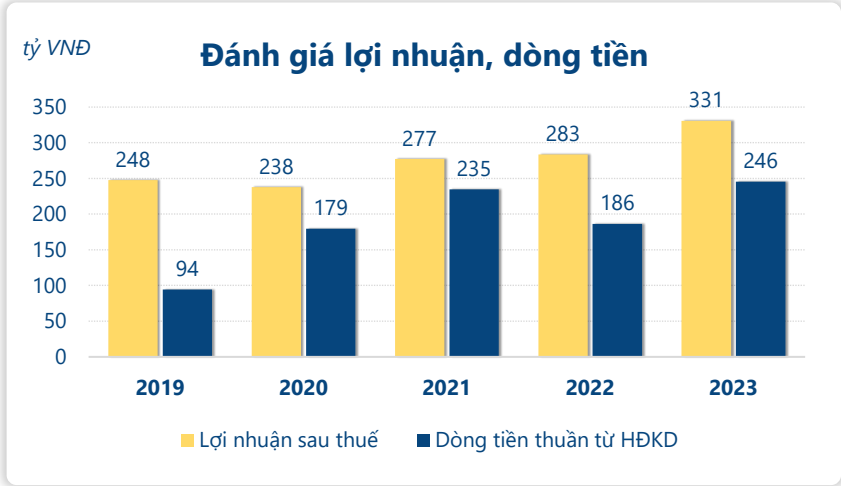


Năm **2023**, F-Score của **DVP** đạt **5/9** thấp hơn năm trước nhưng sức khỏe tài chính vẫn thuộc vùng "**Ổn định**".

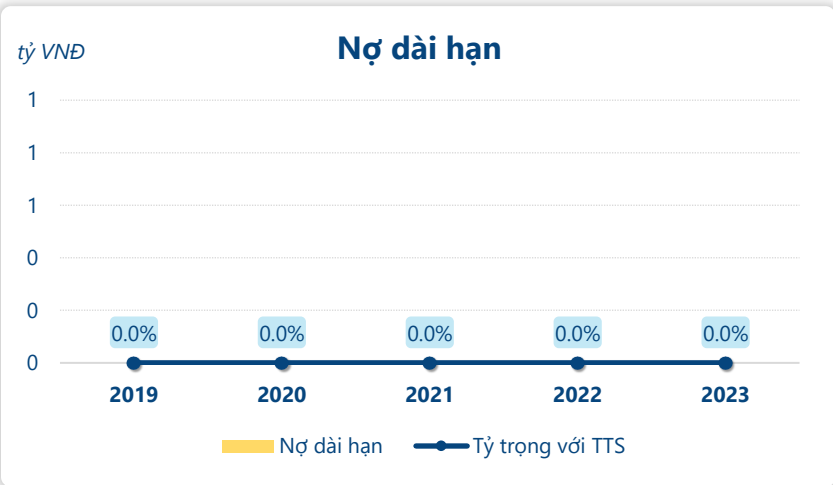
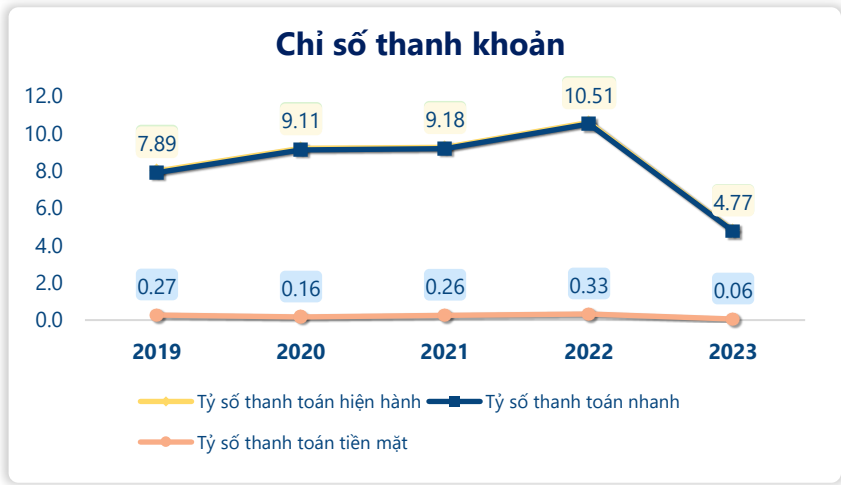
Trong đó, khả năng sinh lời được cải thiện **tăng lên 3/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **kém hơn** năm trước đạt **2/3**. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, **không đạt** điểm nào cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty chưa tốt.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

CTCP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (HSX: DVP)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2023** của **DVP**: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh nhỏ hơn lợi nhuận sau thuế cho thấy chất lượng lợi nhuận không được đánh giá cao nhưng 2 chỉ tiêu này đều dương nghĩa là công ty vẫn tạo ra lợi nhuận và có lượng tiền mặt để duy trì hoạt động. Sự tăng trưởng của ROA phản ánh công ty đang tạo ra lợi nhuận tốt hơn từ mỗi đơn vị tài sản sử dụng. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	1,634	1,498	9.1%
Tài sản ngắn hạn	1,245	1,217	2.2%
Tiền và tương đương tiền	14.6	37.5	-61.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,145	1,053	8.7%
Phải thu ngắn hạn	66.0	112	-40.9%
Hàng tồn kho	8.99	9.37	-4.1%
Tài sản ngắn hạn khác	10.2	5.97	70.0%
Tài sản dài hạn	389	280	38.7%
Phải thu dài hạn	0.12	0.16	-22.6%
Tài sản cố định	239	116	105%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.52	0.02	2738%
Đầu tư tài chính dài hạn	124	137	-10.0%
Tài sản dài hạn khác	25.7	26.5	-3.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	259	115	126%
Nợ ngắn hạn	259	115	126%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	36.2	24.4	48.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,374	1,383	-0.6%
Vốn chủ sở hữu	1,374	1,383	-0.6%
Vốn điều lệ	400	400	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	560	518	609	585	549
Giá vốn hàng bán	275	269	289	274	322
Lợi nhuận gộp	285	249	319	311	228
Doanh thu HĐTC	80.5	91.9	82.4	99.1	156
Chi phí TC	0.07	0.34	0.25	1.17	0.24
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	65.6	50.7	60.7	62.6	69.8
LN thuần từ HĐKD	300	290	341	346	314
Lợi nhuận khác	2.16	0.03	-1.58	-0.78	84.5
LN trước thuế	302	290	339	345	398
Lợi nhuận sau thuế	248	238	277	283	331
LNST của CĐ cty mẹ	248	238	277	283	331

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	94.4	179	235	186	246
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-26.7	-89.5	-60.8	57.5	-69.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-59.1	-101	-159	-240	-200
Tiền đầu kỳ	20.7	29.2	18.3	32.8	37.5
Lưu chuyển tiền thuần	8.56	-10.9	14.7	4.39	-23.3
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	-0.06	-0.12	0.28	0.49
Tiền cuối kỳ	29.2	18.3	32.8	37.5	14.6